

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi,
cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Xét Tờ trình số 65 /TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quy định một số nội dung, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh: Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

2. Nội dung chi, mức chi: Có phụ lục chi tiết kèm theo.

3. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

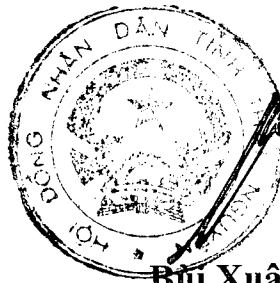
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm TT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI PHỤC VỤ CÁC KỲ THI, CUỘC THI
THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số **08** /2018/NQ-HĐND ngày **13** / 7 /2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
A	ĐỐI VỚI KỲ THI THPT QUỐC GIA			
1	Ban chỉ đạo thi (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Trưởng ban	Người/ngày	350	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	315	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	250	
2	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	Người/ngày	315	
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	300	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	250	
3	Công tác sao in đề thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng ban)	Người/ngày	300	
	Phó Chủ tịch hội đồng (Phó Trưởng ban)	Người/ngày	260	
	Ủy viên, Thư ký bảo vệ vòng trong (24/24 giờ)	Người/ngày	210	
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	115	
	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ thuộc Hội đồng sao in đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
4	Chi cho công tác coi thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng điểm)	Người/ngày	280	
	Phó Chủ tịch hội đồng (Phó Trưởng điểm)	Người/ngày	270	
	Thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	115	
5	Tổ chức chấm thi			
5.1	Chấm bài thi tự luận			
	Bài thi	Bài	18	
	Phụ cấp trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ chấm thi	Người/đợt	230	
5.2	Chấm bài thi trắc nghiệm			
	Chi cho cán bộ thuộc Tổ xử lý bài trắc nghiệm	Người/ngày	350	
5.3	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ thuộc Ban chấm thi, Ban làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt	Người/ngày	200	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
5.4	Ban chấm thi, Ban làm phách, Ban (Hội đồng) phúc khảo			
	Trưởng ban (Chủ tịch)	Người/ngày	300	
	Phó Trưởng ban (Phó Chủ tịch)	Người/ngày	250	
	Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	115	
5.5	Khai mạc, tổng kết chấm thi (Theo thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)			
6	Phụ cấp trách nhiệm thanh tra trước, trong, sau kỳ thi			
	Trưởng Đoàn thanh tra	Người/ngày	300	
	Thành viên Đoàn thanh tra	Người/ngày	210	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	250	
7	Chi phúc khảo (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Chi cho cán bộ chấm bài thi phúc khảo	Người/ngày	160	
8	Phụ cấp trách nhiệm Ban công tác cụm trường			
	Trưởng ban	Người/ngày	150	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	130	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	120	
9	Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)			
	Trưởng ban	Người/ngày	300	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	260	
	Ủy viên	Người/ngày	210	
	Công an, Bảo vệ, Phục vụ	Người/ngày	115	
10	Trực đêm tại các Ban coi thi (trông đề, trông bài); Ban chấm thi (trông bài và hồ sơ). (Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã bằng 80% định mức này)	Người/đêm	100	
B	CHI HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VÀO ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG; XÉT TỐT NGHIỆP THPT, THCS			
	Chủ tịch	Người/ngày	220	
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	215	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	165	
	Phục vụ	Người/ngày	100	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
C	ĐỐI VỚI THI GIÁO VIÊN GIỎI, THI HỌC SINH GIỎI, THI TUYỂN SINH VÀ CÁC CUỘC THI CẤP TỈNH, HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ			
I	CHI RA ĐỀ THI			
1	Chi cán bộ ra đề thi chính thức và dự bị (Bao gồm ra đề, duyệt đề và hướng dẫn chấm)			
1.1	Thi tuyển vào lớp 10 đại trà	Người/ngày	400	
1.2	Thi chọn học sinh giỏi, thi tuyển lớp 10 chuyên	Người/ngày	600	
1.3	Thi nghề phổ thông			
	Đề lý thuyết	Đề	500	
	Đề thực hành	Đề	500	
1.4	Thi giáo viên dạy giỏi	Đề	1000	
2	Ban ra đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	255	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	240	
	Ủy viên, Thư ký, cán bộ phân biện đề thi	Người/ngày	200	
	Bảo vệ vòng trong (24/24)	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ (vòng ngoài), Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
3	Ban sao in đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	240	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	210	
	Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong (24/24)	Người/ngày	170	
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	100	
4	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ trong Hội đồng ra đề thi, Ban in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
5	Thuê địa điểm, máy móc phục vụ sao in đề (Theo thực tế tại thời điểm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)			
II	TỔ CHỨC COI THI			
	Hội đồng (Ban) coi thi, điểm thi			
	Chủ tịch hội đồng (Trưởng ban)	Người/ngày	225	
	Phó Chủ tịch hội đồng (Phó Trưởng ban)	Người/ngày	215	
	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày	170	
	Nhân viên Bảo vệ, Phục vụ, Y tế	Người/ngày	100	
III	TỔ CHỨC CHẤM THI			
1	Chấm bài thi tự luận			
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Bài	15	
	Thi chọn học sinh giỏi	Bài	15	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	Bài	15	
	Phụ cấp trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ chấm thi	Người/đợt	185	
2	Chấm bài thi trắc nghiệm			
	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	280	
	Thuê máy chấm <i>(Theo thực tế tại thời điểm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>			
3	Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ trong Ban chấm thi, Ban làm phách trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài	Người/ngày	200	
4	Hội đồng (Ban) chấm thi, Hội đồng (Ban) làm phách, Hội đồng (Ban) phúc khảo			
	Chủ tịch (Trưởng ban)	Người/ngày	240	
	Phó Chủ tịch (Phó Trưởng ban)	Người/ngày	220	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
5	Chấm thi Khoa học kỹ thuật; Giai điệu tuổi hồng			
	Trưởng ban	Người/ngày	240	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	200	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	170	
	Công an, Bảo vệ, Y tế, Phục vụ	Người/ngày	100	
	Chấm đề tài khoa học	Đề tài	50	
	Giám khảo chấm thi:			
	- Giám khảo là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương	Người/buổi	1000	
	- Giám khảo là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư; Chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học	Người/buổi	800	
	- Giám khảo là cấp Phó Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; Giảng viên chính	Người/buổi	600	
	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	Người/buổi	500	
	- Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	Người/buổi	300	
6	Chấm thi giáo viên dạy giỏi			
	Chấm thi lý thuyết	Bài	50	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
	Chăm thi thực hành	Tiết/giám khảo	100	
	Chăm sáng kiến kinh nghiệm, báo cáo sáng kiến	Sáng kiến	50	
	Hỗ trợ cho giáo viên tham gia dự thi	Người/ngày	200	
	Hỗ trợ cho học sinh lớp dạy thực hành	Học sinh /buổi	20	
	Khai mạc, tổng kết chăm thi <i>(Theo thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>			
7	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra trước, trong, sau kỳ thi			
	Trưởng đoàn thanh tra		240	
	Thành viên Đoàn thanh tra	Người/ngày	170	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	200	
D	CÁC NỘI DUNG KHÁC <i>(Chi phí hội nghị tập huấn, báo cáo viên, tài liệu, văn phòng phẩm...thực hiện theo các văn bản hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt)</i>			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN